

Bản án số: 25/2018/DS-PT
Ngày 12/12/2018.
“V/v: Tranh chấp yêu cầu hủy văn
bản thỏa thuận chia tài sản chung
và chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc
Ông Phạm Trung Dũng

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na—Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung và chia tài sản chung sau ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 27/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐ-PT ngày 16/11/2018; giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh P, sinh 1978 .Địa chỉ: Tổ 7, khu phố 4, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

2.*Bị đơn:* Ông Phạm Thanh B, sinh 1978. Địa chỉ: Tổ 5 ấp T, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Có mặt)

3.*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Phòng công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số 299/21, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường P, tp. B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn A(Vắng mặt)

4. *Người làm chứng*: Ông Lý Ngọc T, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số 61/23 đường P, phường 9, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

5. *Người kháng cáo*: Bị đơn Ông Phạm Thanh B, sinh 1978.

6. *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P trình bày: Bà Lê Thị Thanh P và ông Phạm Thanh B là vợ chồng đã ly hôn theo Quyết định số 78/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/08/2016 của Tòa án nhân dân thành phố B. Sau khi có Quyết định ly hôn bà P và ông B có thỏa thuận tài sản chung gồm:

+ Diện tích đất 284,4m² trên đất có nhà, đất thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại phường P, thành phố Bà Rịa.

+ Diện tích đất 591,4 m² thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại phường P (nay là xã T), thành phố Bà Rịa.

Ông B và bà P thống nhất để lại toàn bộ tài sản trên cho hai con là Phạm Hồng A, sinh năm 2004 và Phạm Lê Phương L, sinh năm 2012, bà P sẽ là người giám hộ khi hai con chưa đủ tuổi quản lý tài sản.

Ngày 10/11/2016, bà P và ông B đến phòng công chứng số 2 ký Văn bản thỏa thuận để lại tài sản cho hai con, trước khi ký bà P có đọc lại văn bản nhưng bà không nhìn thấy câu “ tặng cho ông B ½ quyền sử dụng nhà và đất nêu trên không kèm điều kiện”.

Khi về nhà đọc kỹ lại bà P mới thấy nội dung trên. Phòng công chứng đã không giải thích rõ phần này cho bà Phương hiểu, nội dung văn bản thỏa thuận này không đúng ý chí và nguyện vọng của bà P. Bà P có trao đổi với ông Bình nhưng ông B không đồng ý. Nên bà P khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

+ Hủy Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn số công chứng 476, ngày 10/11/2016 tại phòng công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giữa bà Phương và ông Bình.

+ Chia đôi nhà đất trên cho ông B và bà P theo pháp luật.

Hiện nay bà Phương và hai con đang sinh sống tại nhà đất ở phường P, thành phố B nên xin được chia nhà đất này và thanh toán lại ½ giá trị cho ông Bình.

**/Tại các bản khai bị đơn ông Phạm Thanh B trình bày*: Ngày 10/11/2016, tại phòng Công chứng số 2 giữa ông B và bà P đã thỏa thuận toàn bộ phần tài sản gồm: Diện tích đất 284,4m² trên đất có nhà, thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 32 và diện tích đất 591,4 m² thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại phường P, thành phố B, cho hai con là Phạm Hồng A, sinh năm 2004 và con Phạm Lê Phương L, sinh năm 2012.

Do hai con chưa đủ tuổi quản lý tài sản nên phòng công chứng số 2 đã giải thích cho ông B và bà P phải lập văn bản thỏa thuận chia tài sản sau ly hôn và nội dung như trong văn bản thỏa thuận mà bà Phương đã nộp cho Tòa án. Ông B và bà P đã đến Phòng công chứng số 2 nói rõ yêu cầu của mình và đã được công chứng viên hướng dẫn giải thích, sau đó phòng công chứng tự soạn thảo văn bản với ý chí, nguyện vọng của ông B và bà P và cho tự đọc lại, sau đó pho to 03 bản và ký tên.

Bà P cho rằng Phòng công chứng đã không giải thích rõ cho bà P và văn bản không thể hiện đúng nguyện vọng ý chí của bà P là không hợp lý vì Phòng công chứng đã giải thích rất rõ ràng, bà P đã tự đọc lại và đồng ý ký tên vào văn bản, không ai ép bà P ký tên. Chính vì thế ông B không đồng ý với yêu cầu hủy bỏ văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn mà ông B và bà P đã ký tại Phòng công chứng số 2 ngày 10/11/2016 số công chứng 476, quyển số 1 TP/CC-SCC/HĐGD và không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung là nhà đất trên, vì bà P đã tự nguyện ký vào văn bản thỏa thuận chia tài sản chung ngày 10/11/2016 là đúng theo quy định pháp luật nên văn bản có hiệu lực pháp luật. Do đó Nhà và đất trên thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông B.

**/ Tại các bản khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trình bày:* Tại thời điểm ông B bà P đến phòng công chứng số 2 để liên hệ lập văn bản thỏa thuận chia tài sản chung, theo yêu cầu ông B bà P, ông Trần Xuân M là công chứng viên đã giải thích rõ quyền và nghĩa vụ của ông B và bà P. Bà P đã tự nguyện tặng cho ½ nhà và đất thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 32, diện tích 284,4m² và thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 diện tích 591,4 m² tọa lạc tại xã T, thành phố B cho ông Phạm Thanh B. Ông M đã yêu cầu bà P phải viết phiếu yêu cầu công chứng, hợp đồng văn bản ghi rõ yêu cầu của mình nếu giao tài sản cho ông B có kèm theo điều kiện gì thì ghi rõ ví dụ như yêu cầu cho con, yêu cầu nhận tiền hoặc không yêu cầu gì cũng phải ghi rõ trong phiếu yêu cầu. Bà P đã tự ghi phiếu và nộp các tài liệu giấy tờ hợp lệ. Sau đó ông Mậu đã soạn thảo văn bản theo đúng ý chí nguyện vọng của ông B và bà P, sau đó giải thích nội dung văn bản và cho các bên tự đọc lại đồng ý ký tên. Phòng công chứng số 2 xác định văn bản thỏa thuận này lập đúng hình thức, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì điều kiện công tác.

**/ Tại các bản khai người làm chứng ông Lý Ngọc T trình bày:* Ông T không nhớ rõ thời điểm ông T chuyển nhượng phần diện tích đất tại thửa số 93, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại phường P, thị xã B (nay là thành phố B). Ông T xác định nhận tiền chuyển nhượng đất từ ông B, nhưng tiền này là tiền riêng hay chung của vợ chồng ông B bà P thì ông T không biết. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì bận việc gia đình.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Áp dụng: Khoản 11 điều 26, khoản 1 Điều 28 và [điểm a](#) khoản 1 điều 35, Điều 36, [Điểm a](#) khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 33, 59, 62 Luật

Hôn nhân và gia đình. Điều 126 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 5, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26, Khoản 5 Điều 27 án phí, lệ phí Tòa án Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh P:

+Hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn ngày 10/11/2016 số công chứng 476, quyền số 1 TP/CC-SCC/HĐGD được lập tại Phòng công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 32, diện tích 284,4m², tọa lạc tại phường P, thành phố B; Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 591,4 m² tọa lạc tại xã T, thành phố B.

Bà Lê Thị Thanh P được quyền sử dụng căn nhà 01 tầng, loại 4 (ngang 5m dài 10, 91m), mái tôn, trần thạch cao, nền ceramic và xi măng, tường xây gạch tô xi măng sơn nước, cửa sắt kính, có gác gỗ, hàng rào xây gạch, sân tráng xi măng được xây dựng trên thửa đất số 230, tờ bản đồ 32, phường P, thành phố B và quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ 32, diện tích 284,4m², tọa lạc tại phường P, thành phố B (Kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất lập ngày 03/4/2018)

Bà Phương có nghĩa vụ thanh toán 2/3 giá trị nhà đất trên cho ông B là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Ông Phạm Thanh B được quyền sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ 12, diện tích 591,4 m² tọa lạc tại xã T, thành phố B (Kèm theo sơ đồ vị trí mà Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B đã lập ngày 03/4/2018)

Ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà P ½ giá trị đất là 147.850.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng)

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

*/Ngày 5/09/2018, bị đơn ông Phạm Thanh B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: Bác đơn khởi kiện của bà P, công nhận tài sản chung là của ông B.

*/Ngày 6/09/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra quyết định kháng nghị số 108/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/9/2018, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử: sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà P, giữ nguyên văn bản thỏa thuận chia tài sản chung giữa ông B với bà P tại phòng công chứng số 2 ngày 10/11/2016. Ông B được quyền sử dụng diện tích đất 284,4m² và diện tích đất 591,4 m² và tài sản trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+Đương sự vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ, đương sự đã có đơn xin xét

xử vắng mặt, có văn bản ủy quyền. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án mà không hoãn phiên tòa.

+Nguyên đơn bà P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn ông B giữ nguyên kháng cáo. Sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích về đạo đức và quy định của pháp luật thì nguyên đơn bà Lê Thị Thanh P và bị đơn ông Phạm Thanh B đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

+Kiểm sát viên rút toàn bộ nội dung kháng nghị.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Thanh P và ông Phạm Thanh B đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm. Do các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ sự thỏa thuận của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thanh B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong hạn luật định và đúng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số [45/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018](#) của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà Lê Thị Thanh P và ông Phạm Thanh B thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

+[Hủy](#) văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn công chứng số 476 ngày 10/11/2016 lập tại phòng công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giữa ông Phạm Thanh B với bà [Lê Thị Thanh P](#).

+ [Cháu](#) Phạm Hồng A, sinh 2004 và cháu Phạm Lê Phương L, sinh 2012 được quyền sử dụng đất [diện tích](#) 284,4m² thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại phường P, thành phố B, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 027393 ngày 05/04/2004 và được quyền sử dụng đất diện tích 591,4 m² thuộc thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại phường P (xã T), thành phố B, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 615132 ngày 9/6/2005 và được quyền sở hữu nhà, tài sản khác trên đất. Theo hai sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập ngày 03/04/2018.

Giao cho bà Lê Thị Thanh P là mẹ của 2 cháu được quản lý nhà đất và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho đến khi 2 cháu ([là](#) Phạm Hồng

A và Phạm Lê Phương L) đủ 18 tuổi thì bà P và ông B có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất cho hai con.

+Về chi phí đo vẽ, định giá, thẩm định: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chi phí hết 8.000.000đồng bà P tự nguyện nộp và đã nộp đủ.

+Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Theo biên bản định giá tài sản: Diện tích đất 284,4m² và 591,4 m² và tài sản trên đất có giá trị thành tiền là: 630.094.000đồng + 295.700.000 đồng = 925.794.000 đồng = 36.000.000 đồng + (3% x 125.794.000 đồng = 3.773.820 đồng) = 39.773.820 đồng, mỗi người chịu một nửa là 39.773.820 đồng : 2 = 19.886.910 đồng. Ông B và bà P mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 19.886.910 đồng.

Ông B phải chịu thêm 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của bà P được chấp nhận. Nên ông B phải chịu án phí là 20.186.910 đồng. Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 19.886.910 đồng.

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức của xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Xét việc rút quyết định kháng nghị số 108/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/9/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa.

Hội đồng xét xử thấy: Việc rút quyết định kháng nghị của Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát.

[4]Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của ông B không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh B và Chấp nhận rút toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm (lỗi khách quan). Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Thanh B. Chấp nhận rút kháng nghị số 108/QĐKNPT-VKS-

DS ngày 06/09/2018 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa.
Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 45/2018/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018
của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa như sau:

Áp dụng: khoản 11 Điều 26; khoản 1 Điều 28 và **điểm a** khoản 1 Điều 35; **điểm a,c** khoản 1 Điều 39 và Điều 298, 300 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 126 Bộ luật dân sự. Điều 26, 27, 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh P.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

+Hũy văn bản thỏa thuận chia tài sản chung sau ly hôn, công chứng số 476 lập ngày 10/11/2016 tại phòng công chứng số 2, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giữa ông Phạm Thanh B với bà **Lê Thị Thanh P.**

+Cháu Phạm Hồng A, sinh 2004 và cháu Phạm Lê Phương L, sinh 2012 được quyền sử dụng đất **diện tích** 284,4m² ở thửa đất số 230, tờ bản đồ 32 tọa lạc tại phường P, thành phố B, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 027393 ngày 05/04/2004 và được quyền sử dụng đất diện tích 591,4 m² ở thửa đất số 399, tờ bản đồ 12 tọa lạc tại phường P (xã T), thành phố B, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 615132 ngày 9/6/2005 và được quyền sở hữu nhà, tài sản khác trên đất. Theo sơ đồ vị trí thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập ngày 03/04/2018.

Giao cho bà Lê Thị Thanh P là mẹ của 2 cháu được quản lý nhà đất và hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho đến khi 2 cháu (**là** Phạm Hồng A và Phạm Lê Phương L) đủ 18 tuổi thì bà Phương và ông Phạm Thanh B có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất cho hai con.

2. Về chi phí do vẽ, định giá, thẩm định: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí hết 8.000.000 đồng bà P đã nộp xong.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

+Ông Phạm Thanh B phải chịu án phí là 20.186.910 đồng (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi sáu ngàn, chín trăm mười đồng).

+ Bà Lê Thị Thanh P phải chịu án phí là 19.886.910 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 7.800.000 đồng, theo biên lai số 0008633 ngày 10/10/2017 và số 0008507 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Bà P còn phải nộp án phí là 12.086.910 đồng. (Mười hai triệu, không trăm tám mươi sáu ngàn, chín trăm mười đồng).

4.Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Thanh B phải chịu 300.000 đồng như được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai số 0004882 ngày 11/09/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Ông Bình đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/12/2018.

Nơi nhận:

+TAND TP.B
+VKSND tỉnh BRVT.
+VKSNDTP.B
+THADS TP.B.
+Các đương sự.
+Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán- Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Hoàng Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán.

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Trung Dũng

Trần Minh Bắc

Trịnh Hoàng Anh

